

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2023/DS- ST
Ngày 20 - 3 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tú Nga

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: **472/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022** về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX - ST ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 6, KV 7, P. T, Tp. Q, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: 227/26 Huỳnh Thúc K, Tp. Q, tỉnh B.

(Anh N có mặt, chị Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn N trình bày:

Giữa anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có quen biết nhau, ngày 14/12/2018 anh N có cho chị Đ mượn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), mục đích mượn để chi phí chữa bệnh; thời gian trả trong tháng 12 năm 2018, hai bên có viết giấy nhận nợ vay (chị Đ viết giấy tay) và không thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra, hai bên có thỏa thuận thêm nếu sau 01 năm chị Đ không trả được nợ thì phải chịu lãi suất theo Ngân hàng. Từ khi vay đến nay chị Đ chưa trả số tiền

mượn đó cho anh, mặc dù anh đã nhiều lần điện thoại và đến nhà yêu cầu chị Đ trả số tiền gốc trên nhưng chị Đ vẫn không chịu trả.

Nay anh N yêu cầu chị Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho anh và anh không yêu cầu chị Đ trả tiền lãi.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Đ không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn N. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, trú tại: 227/26 Huỳnh Thúc K, Tp. Q, tỉnh B trả số tiền vay (gốc) còn nợ 10.000.000 đồng theo giấy nhận nợ vay ký ngày 14/12/2018 nên quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp tranh chấp về dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ nhưng chị Đ không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nơi cư trú của bị đơn để tiến hành lấy lời khai; chị Đ có mặt ở nhà nhưng từ chối khai báo nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định nhưng chị Đ không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nhận thấy đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về tiền vay gốc: Anh Nguyễn N có cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ vay số tiền 10.000.000 đồng theo giấy nhận nợ vay (viết giấy tay) ký ngày 14/12/2018, mục đích vay để chi phí chữa bệnh, có chữ ký của anh Ngải và chị Diệp. Theo thỏa thuận trong tháng 12 năm 2018 chị Đ sẽ trả cho anh N số tiền này thì không chịu tiền lãi nhưng nếu sau 01 năm (kể từ ngày 14/12/2018) chị Đ không trả được nợ thì phải chịu lãi suất theo Ngân hàng nên xác định đây hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay chị Đ không trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Anh N nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng chị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, như vậy chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu chị Đ trả số tiền vay gốc còn nợ 10.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn N không yêu cầu chị Đ trả tiền lãi chậm trả phát sinh từ khoản vay gốc 10.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn N, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn N số tiền vay gốc còn nợ 10.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Nguyễn N không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn N.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn N số tiền vay gốc còn nợ 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

3.2. Hoàn lại cho anh Nguyễn N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002967 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tú Nga

Nguyễn Đình Thọ

Ung Quang Định

